UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1141 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày* 30 *tháng* 3 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) - Đoạn từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao đường bộ ven biển

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông Hải Phòng tại Văn bản số 232/BQL ngày 17 tháng 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 214/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) - Đoạn từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao đường bộ ven biển (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông Hải Phòng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Kiến Minh,

xã Kiến Hải, phường Dương Kinh và phường Nam Đồ Sơn, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh, xã Kiến Hải, phường Dương Kinh, phường Nam Đồ Sơn và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh, xã Kiến Hải, phường Dương Kinh, phường Nam Đồ Sơn căn cứ thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổng giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố (để công khai Quyết định);
- UBND các xã, phường: Kiến Minh, Kiến Hải, Dương Kinh, Nam Đồ Sơn;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NN&MT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC NINH BÌNH - HẢI PHÒNG (CT.08), ĐOẠN QUA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG VÀ 09KM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH (NAY LÀ TỈNH HƯNG YÊN) - ĐOẠN TỪ CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG ĐẾN NÚT GIAO ĐƯỜNG BỘ VEN BIỂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) - Đoạn từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao đường bộ ven biển.

- Địa điểm thực hiện: nằm trong ranh giới địa lý hành chính xã Kiến Minh, xã Kiến Hải, phường Dương Kinh và phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

+ Điểm đầu Km0+000: Tại nút giao quy hoạch giữa đường nối ĐT.353-ĐT.361 với đường cao tốc ven biển nối dài hướng đi Bùi Viện, cách nút giao cao tốc Hà Nội – Hải Phòng khoảng 1,05 km, thuộc địa phận xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng. Tọa độ VN2000: X=2298585.15367; Y = 598877.82441.

+ Điểm cuối Km7+550 (Km5+751,73/đường bộ ven biển) tại vị trí cuối nút giao cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng với Đường bộ ven biển Hải Phòng, thuộc địa phận xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng. Tọa độ VN2000: X=2291769.09414; Y = 599926.20796.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông Hải Phòng (theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Địa chỉ liên hệ: Số 14 đường Minh Khai, Phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

1.2. Quy mô, công suất:

a) Diện tích:

Diện tích chiếm dụng đất vĩnh viễn của Dự án khoảng 81,9 ha theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Thái

Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) - Đoạn từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao đường bộ ven biển.

b) Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có điểm đầu trên đường quy hoạch nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường Bùi Viện, điểm cuối kết nối với đường bộ ven biển Hải Phòng có tổng chiều dài khoảng 7,55km, bao gồm các hạng mục chính sau:

- Xây dựng đoạn tuyến từ đường nối ĐT.353 - ĐT.361 đến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, chiều dài khoảng l,05km, theo quy mô bề rộng nền đường Bnền=37m, mặt đường 08 làn xe.

- Xây dựng đoạn tuyến từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường bộ ven biển, chiều dài khoảng 6,5km theo quy mô bề rộng nền đường Bnền=24,75m cao tốc 04 làn xe; xây dựng đường gom hai bên quy mô Bmặt/Bnền = 7,0m/8,0m.

- Xây dựng 02 nút giao khác mức liên thông với cao tốc:

(1) Nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: Nút giao khác mức liên thông hoa thị hoàn chỉnh với hầm chui dưới cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và hầm chui dưới đường sắt Lào Cai - Hải Phòng; Hầm chui trên tuyến cao tốc CT.08 đảm bảo quy mô 04 làn xe và mở rộng 01 làn mỗi bên cho nhánh rẽ; Hầm chui đường gom dưới đường sắt quy mô 02 làn xe;

(2) Nút giao đường bộ ven biển: Nút giao khác mức liên thông dạng kim cương với cầu trên cao tốc CT.08 vượt đường bộ ven biển và đường quy hoạch, bề rộng cầu B=24,75m.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng, an toàn giao thông đồng bộ; Xây dựng hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình thủy lợi bị ảnh hưởng.

- Giải phóng mặt bằng theo lộ giới quy hoạch 68m.

c) Nhóm dự án: nhóm B.

d) Tổng mức đầu tư: 4.335.124 triệu đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn, ba trăm ba mươi lăm tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

1.3. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án: hoạt động giải phóng mặt bằng; hoạt động thi công nền đường, mặt đường; thi công mố, trụ cầu; thi công đào móng hầm chui, hoàn thiện hầm chui; thi công hệ thống thoát nước; di chuyển điện; trồng cây xanh; lắp dựng biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn hiện hành.

- Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng tuyến đường có chiều dài khoảng 7,55 km đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc (TCVN 5729:2012), vận tốc thiết kế V=100 km/h; đường gom hai bên theo quy mô đường phố gom (TCVN 13592:2022), tốc độ thiết kế V=50 km/h, với:

+ Xây dựng đoạn tuyến từ đường nối ĐT.353-ĐT.361 đến cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, chiều dài khoảng 1,05km, theo quy mô Bnền = 37m, mặt đường 08 làn xe.

+ Xây dựng đoạn tuyến từ cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến đường bộ ven biển chiều dài khoảng 6,5km theo quy mô cao tốc 04 làn xe, Bnền=24,75m.

- Xây dựng đường gom 2 bên, đường ngang quy mô Bmặt/Bnền = 7,0m/8,0m với chiều dài khoảng 14,25 km.

- Xây dựng 03 nút giao gồm 02 nút giao khác mức liên thông với cao tốc và 01 nút giao bằng:

+ Nút giao cao tốc Hà Nội – Hải Phòng: Nút giao khác mức liên thông hoa thị hoàn chỉnh với hầm chui dưới cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và hầm chui dưới đường sắt Lào Cai – Hải Phòng dài 838m; hầm chui trên cao tốc CT.08 quy mô 04 làn xe và mở rộng mỗi bên 01 làn cho nhánh rẽ, chiều dài khoảng 820m; hầm chui đường gom dưới đường sắt quy mô 02 làn xe, chiều dài khoảng 342,3m.

+ Nút giao đường bộ ven biển: Nút giao khác mức liên thông dạng kim cương với cầu trên cao tốc CT.08 vượt đường bộ ven biển và đường quy hoạch, cầu quy mô B=24,75m, chiều dài khoảng 340m.

+ Nút giao đường nối ĐT.353-ĐT.361 (Km0) dạng giao bằng.

- Xây dựng 05 cầu trong đó (1) Cầu vượt sông He dọc tuyến cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng dài 93,25m; (2) Cầu vượt đường tỉnh ĐT 362 (Km2+291) dài 143,4m; (3) Cầu Sông He trên đường gom (hai bên) dài 56,0m; (4) Cầu vượt trực thông tại nút giao Đường bộ ven biển (Km7+051) dài 379,4m; (5) Cầu Kiến Hải (Km6+183) trên cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng vượt đường ngang hiện trạng và kênh thủy lợi dài 38,6m.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng khu vực nút giao; xây dựng hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng.

b. Công trình phụ trợ:

- Cây xanh, hệ thống chiếu sáng, biển báo hiệu, an toàn giao thông.

- Các hạng mục phụ trợ phục vụ thi công gồm: bố trí 05 công trường tại Km1+000; Km1+100; Km2+000; Km6+183; Km7+200.

- Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, cải mương: xây dựng 46 cống thoát nước ngang trên tuyến, gồm: 20 cống hộp và 26 cống tròn các loại.

2.2. Hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

a) Giai đoạn thi công:

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, lắp đặt công trường, đào đắp nền đường, thi công mố trụ cầu, hầm chui, thi công hệ thống thoát nước, thi công hệ thống điện, thi công mặt đường, trồng cây xanh, lắp dựng biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn hiện hành làm phát sinh phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành:

Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường làm phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải; hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường làm phát sinh bụi, khí thải, bùn thải, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 50 công nhân trên công trường với lượng thải khoảng 5,0m^3/ngày/công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, BOD5, Amoni, *Coliform*…

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận tải ra vào công trường, máy móc thiết bị với tổng thải lượng dự báo khoảng 9,0 m^3/ngày/công trường và từ hoạt động của trạm trộn bê tông khoảng 17,0 m^3/ngày đêm/trạm trộn. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, dầu mỡ khoáng…

- Nước thải phát sinh trong quá trình thi công đào đắp các hạng mục công trình chủ yếu phát sinh từ hoạt động đào taluy, thi công hố móng, hầm chui, khoan cọc nhồi… với thành phần ô nhiễm chính là đất, cát, chất rắn lơ lửng và một phần bentonite từ quá trình khoan. Thải lượng phát sinh khoảng 0,5 m^3/ngày/công trường.

b) Khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xếp, tập kết, vận chuyển đất đá thải, chất thải, nguyên vật liệu xây dựng... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO_2, NO_x, VOC.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình xây dựng gồm vận hành các máy móc, thiết bị thi công, hàn, trải nhựa đường, sơn vạch kẻ đường… Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, NO_x, SO_2, CO, VOCs.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng (có 04 trạm trộn bê tông công suất 60 m^3/giờ được đặt tại 04 vị trí: Km1+000, Km1+100, Km2+000, Km7+200). Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 50 công nhân trên công trường với khối lượng khoảng 40kg/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, vỏ kim loại…

b) Chất thải từ hoạt động nạo vét kênh/mương: Bùn nhão từ nạo vét kênh, mương, ao phát sinh với khối lượng: 9.487,2 m^3.

c) Chất thải rắn xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình hạ tầng: 17.770,1 tấn.

- Khối lượng đất đào phát sinh từ các hạng mục thi công nền đường (bao gồm đường, nút giao, hệ thống hạ tầng kỹ thuật), hố móng hầm, hầm chui, cầu vượt dòng chảy và cầu vượt trực thông là 138.814,1 m^3, trong đó: khối lượng tái sử dụng từ đất đào là 65.364,7 m^3 (sử dụng đắp nền đường cho dự án); đất hữu cơ bóc bề mặt đất lúa: 49.544,6 m^3 (tận dụng để trồng cây xanh tại dải phân cách giữa và dải đắp đất dự trữ hai bên; tận dụng để trồng cỏ mái taluy trên diện tích trong phạm vi Dự án); đất đá đào không thích hợp: 23.904,8 m^3.

- Chất thải phát sinh do quá trình khoan cọc nhồi: đất lẫn bentonite 15.726,1 m^3.

- Chất thải rắn xây dựng do quá trình thất thoát, hao hụt nguyên vật liệu xây dựng và đất, cát, cặn tại bể lắng nước thải thi công và hệ thống thu gom nước mưa: 0,45 tấn.

d) Chất thải nguy hại

Hoạt động văn phòng tại công trường thi công; hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng

25-30 kg/tháng/công trường thi công. Thành phần chủ yếu gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, pin hỏng, linh kiện điện tử hỏng, giẻ lau dính dầu.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy xúc, máy trộn bê tông xi măng…) và các hoạt động thi công khoan, hàn, cắt, đào, đầm làm phát sinh tiếng ồn, rung chấn tiếng ồn, độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

a) Tác động của việc chiếm dụng đất

Hoạt động thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong đó có 4,54ha đất ở, 4,6ha đất trồng cây hàng năm, 11,51ha đất trồng cây lâu năm, 19,65ha đất nuôi trồng thủy sản và 24,77ha đất trồng lúa làm suy giảm diện tích đất trồng lúa 01 vụ, 02 vụ, gây ảnh hưởng tới sinh hoạt, tâm lý, đời sống, thu nhập, việc làm, hoạt động kinh doanh, sản xuất và sinh kế của các cá nhân bị ảnh hưởng.

b) Tác động tới nguồn nước và khả năng cấp, thoát nước:

Hoạt động thi công Dự án có thể làm gián đoạn nguồn nước tưới do thi công cống thoát nước ngang đường với số lượng 46 cống, trong đó khoảng 20 cống hộp và 26 cống tròn và cải mương 3.019m dọc tuyến đường và nhánh nút tiềm ẩn nguy cơ gây gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các xã, phường trong khu vực Dự án; việc bố trí các công trình tạm tại vị trí thi công cống gây cản trở dòng chảy; nguy cơ ngập úng cục bộ do cản trở dòng nước mưa chảy tràn.

c) Tác động tới hoạt động giao thông

Việc vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu đổ thải làm gia tăng phương tiện lưu thông trên các tuyến đường có thể gây ùn tắc giao thông tại các điểm giao cắt vào giờ cao điểm nhiều phương tiện lưu thông gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân; tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trong trường hợp mật độ giao thông lớn, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu đổ thải không được che chắn phát sinh bụi gây hạn chế tầm nhìn của người tham gia giao thông hoặc phương tiện vận chuyển không được che chắn, đất cát rơi vãi, gặp trời mưa gây trơn trượt; trường hợp phương tiện vận chuyển chở quá tải trọng cho phép ảnh hưởng đến chất lượng tuyến đường vận chuyển.

d) Tác động của nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn có khả năng ô nhiễm tập trung trên phần diện tích đang thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 0,842L/s (trong ngày có lượng mưa lớn nhất). Thông số ô nhiễm chủ yếu là TSS, dầu mỡ khoáng.

đ) Tác động đến nước dưới đất

Hoạt động thi công trụ cầu T1-T2 trong lòng dỏng chảy sông He có sử dụng công nghệ khoan cọc nhồi và hoạt động thi công đào hầm, hầm chui có nguy cơ tràn nước mặt bẩn gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

b) Khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông (sử dụng nhiên liệu đốt chủ yếu là xăng và dầu Diesel) ra vào khu vực dự án và hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, NO_x, SO_2, CO, VOCs...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Dự án không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành.

b) Chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xả thải chất thải rắn của phương tiện lưu thông trên tuyến đường, bùn nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa, thay thế biển báo hư hỏng, lá cây… làm phát sinh khoảng 3 m^3/đợt bảo dưỡng.

c) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường làm phát sinh khoảng 3kg/đợt. Thành phần chủ yếu là bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng sơn, giẻ lau dính dầu, cặn sơn.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: bố trí các nhà vệ sinh di động dạng module nguyên khối bằng vật liệu composite, dung tích bể chứa nước thải 5m^3/nhà vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình rửa phương tiện vận chuyển: bố trí tại mỗi công trường thi công 01 hệ thống cầu rửa xe kích thước LxBxH khoảng (3,0x2,0x0,5) m, xung quanh đào rãnh để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công, phương tiện vận chuyển về hố lắng nước thải tạm thời (dung tích khoảng 18m^3/hố) gồm 4 ngăn (bể gom có dung tích khoảng 3,0 m^3, bể tách dầu mỡ dung tích khoảng 3,0 m^3, bể lắng cặn dung tích khoảng 3,0 m^3, bể chứa nước sau xử lý dung tích khoảng 9,0 m^3) được đầm chặt, lót đáy bằng vải địa kỹ thuật để chống thấm, chống xói. Nước sau khi lắng và tách dầu được tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển. Váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; thu gom, quản lý, đất,cát, cặn tại bể lắng theo quy định. Quy trình xử lý: nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → Bể lắng 04 ngăn → Tách dầu → Lắng cặn → Nước rửa sau khi được lắng cặn sử dụng để vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển.

- Nước thải trạm trộn bê tông xi măng: Tại công trường Km1+000; Km1+100; Km2+000; Km7+200: Xây dựng 01 bể lắng cấu tạo 02 ngăn, dung tích khoảng 24 m^3/bể để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động sản xuất bê tông (bể được gia cố đáy đảm bảo chống thấm, chống ngấm). Quy trình xử lý: Nước rửa cối trộn → Bể lắng 02 ngăn → Lắng cặn → Tái sử dụng cho hoạt động trộn bê tông xi măng.

- Nước thải phát sinh trong quá trình thi công đào đắp các hạng mục công trình: Thu gom toàn bộ nước thải thi công thông qua hệ thống rãnh thoát nước tạm thời bố trí dọc theo khu vực thi công; không để nước thải chảy tràn ra môi trường xung quanh. Bố trí các hố lắng, bể lắng tạm thời tại từng khu vực thi công (gồm 2–3 ngăn) để lắng tách đất, cát và chất rắn lơ lửng trước khi thải ra môi trường (hố lắng, bể lắng tạm được đầm chặt, lót đáy bằng vải địa kỹ thuật để chống thấm, chống xói). Đối với nước thải phát sinh từ quá trình khoan cọc nhồi có chứa bentonite, thực hiện thu gom riêng và xử lý lắng tách tại bể chứa chuyên dụng trước khi xả thải. Không xả nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra kênh, mương, ao, hồ, sông, suối; chỉ xả ra môi trường sau khi đã qua lắng và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường. Bố trí các biện pháp ngăn chặn bùn đất cuốn trôi như bao cát, rào chắn bùn tại các khu vực gần nguồn nước, khu vực có nguy cơ phát tán cao. Thực hiện nạo vét định kỳ bùn lắng tại các hố lắng; bùn thải được thu gom và xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng. Tận dụng nước sau lắng cho các hoạt động thi công như tưới ẩm, rửa thiết bị nhằm giảm thiểu lượng nước thải phát sinh. Tổ chức giám sát, kiểm tra thường xuyên việc thu gom, xử lý nước thải trong suốt quá trình thi công, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải trong hầm tự hoại của các nhà vệ sinh di động và xử lý theo quy định, không xả nước thải sinh hoạt trực tiếp ra môi trường. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, xử lý đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường và quy định pháp luật có liên quan trước khi tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển hoặc sử dụng cho trạm trộn bê tông.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng phương tiện được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, không để rơi rớt vật liệu; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết và phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; lắp đặt các cầu rửa vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công và phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công, đảm bảo tất cả các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thảm nhựa mặt đường khi đi qua các khu dân cư; lựa chọn thời gian hút bụi phù hợp.

- Bãi chứa cấp liệu sử dụng để trộn bê tông được che chắn bằng các tấm quây bằng vải bạt để tránh phát tán bụi (tấm quây được bao quanh bãi chứa, chỉ chừa một mặt để chuyển vật liệu lên bằng chuyền); khi dùng xe ben để đổ vật liệu tại các bãi chứa, nếu thấy bụi bốc lên, thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm; không thực hiện nghiền đá tại công trường (đá hoặc sỏi theo tiêu chuẩn để trộn bê tông được mua tại các cơ sở có giấy phép hoạt động và cung ứng tại công trường); bố trí trạm trộn bê tông xi măng tại các vị trí xa khu dân cư, cuối hướng gió; thiết lập rào chắn cao 03m quanh khu vực các trạm trộn bê tông; tưới nước dập bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày tại khu vực bố trí các trạm trộn bê tông xi măng (trừ những ngày mưa); lắp đặt các túi lọc bụi tại các silo xi măng tại trạm trộn bê tông xi măng.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện vệ sinh đường giao thông; chăm sóc cây xanh dọc 2 bên tuyến đường để giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ Dự án

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh Dự án luôn trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy màu sắc khác nhau đảm bảo theo quy định về phân loại chất thải tại nguồn để thu gom chất thải; chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Chất thải từ hoạt động nạo vét kênh/mương*:* Bùn nạo vét từ kênh mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Xây dựng phương án sử dụng toàn bộ đất bóc bề mặt từ diện tích đất trồng lúa (49.544,6 m^3) vào mục đích trồng cây theo quy định; tận dụng khối lượng đất đào thích hợp 65.364,7 m^3 để đắp nền đường cho dự án, trồng cỏ mái taluy. Đối với chất thải rắn xây dựng (bao gồm cả đất đá đào không phải là khoáng sản) thực hiện phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng theo quy định tại các mục d, đ, e, g khoản 5 Điều 64 và Khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố, cụ thể: (1) chất thải rắn xây dựng thông thường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trực tiếp làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp, đất trồng cây và được quản lý như sản phẩm, hàng hóa; trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật phải chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý tái chế theo quy định pháp luật. Việc vận chuyển chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi gây ô nhiễm môi

trường; (2) chất thải rắn xây dựng nguy hại: thực hiện phân loại, lưu trữ, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện vệ sinh đường giao thông; thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải rắn của phương tiện lưu thông trên tuyến đường, bùn nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa, thay thế biển báo hư hỏng, lá cây… cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: phân loại, thu gom và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng các thùng chứa riêng biệt, lưu giữ tại 01 kho chất thải nguy hại có diện tích 5m^2 đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành: Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí thời gian làm việc hợp lý; không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm nhằm tránh cộng hưởng từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn; hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; sử dụng các phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị thi công.

4.3.2 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường của Dự án. Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án. Bố trí cây xanh dọc 2 bên tuyến đường để giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ Dự án

Yêu cầu về môi trường: tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công:

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước miệng rãnh x đáy x sâu khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước L x B x H khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m với khoảng cách khoảng 50 m/hố lắng xung quanh các công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến đường đang thi công với các khu vực dân cư để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn. Nước mưa thu gom, dẫn vào mương dẫn qua hố ga có lưới chắn để thu gom rác. Nước sau hố ga trước khi cho chảy vào dòng nước tại các kênh dẫn.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → lắng cặn→ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng hệ thống thoát nước trên tuyến đường được xây dựng theo đúng thiết kế đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa sử dụng hệ thống cống thoát nước rãnh dọc hình thang, hình chữ nhật B=0,4-0,5m; cống tròn D1250, D1500, cống hộp BxH=(1,25x1,25)÷3(3,0x3,0)m thoát nước ngang đường, đảm bảo thu gom, tiêu thoát nước cho khu vực, tránh ngập úng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống tiêu thoát nước trên tuyến, đảm bảo khả năng lưu thông thoát nước mưa.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác thu hồi đối với phần diện tích 81,9ha theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đền bù đất và cây trồng trên đất theo đơn giá tại thời điểm kiểm đếm chi tiết, đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng, ao nuôi và đất canh tác của dân tại những vị trí sát cánh đồng lúa, vườn cây, ao nuôi trồng thuỷ sản của người dân.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc xây dựng hệ thống thoát nước theo phương án được sự chấp thuận của cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thi công hệ thống thoát nước, bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án.

- Hoàn nguyên môi trường, thanh thải lòng kênh/mương khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công.

4.4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- Lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết.

- Làm đường tạm trong trường hợp thi công cầu, cống gây ảnh hưởng tới hoạt động đi lại của các tổ chức, cá nhân.

4.4.5. Giảm thiểu tác động tới nguồn nước và đảm bảo khả năng cấp, thoát nước trong quá trình thi công

Thiết kế công trình phù hợp với kết quả khảo sát, điều tra thủy văn dọc tuyến, đảm bảo khả năng cấp, thoát nước dọc tuyến; làm việc với cơ quan có thẩm quyền để thống nhất các nội dung về hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật về Tài nguyên nước, không gây sạt, lở bờ sông, kênh hoặc gây mất ổn định, sự an toàn của sông, kênh; không làm ảnh hưởng đến các chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

4.4.6. Giảm thiểu tác động tới thoát nước và cải kênh mương

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình và biện pháp thi công, trong đó đặc biệt lưu ý tới các yêu cầu hoàn trả lại dòng chảy khi đắp bờ vây để thi công cống mới của hệ thống thoát nước ngang.

- Ngăn ngừa các nguy cơ gây cản trở dòng chảy của sông, kênh và gây ô nhiễm môi trường nước: thi công cống ngang tại các vị trí theo thiết kế trước khi tiến hành đắp nền đường. Việc đắp nền chỉ thực hiện sau khi kiểm tra thấy rằng các cống ngang đã hoạt động tốt.

- Thực hiện đúng quy trình thiết kế: hoạt động cải dòng chảy được tiến hành và hoàn thành trước mùa mưa; mương tạm dẫn nước từ thượng lưu về hạ lưu dòng chảy lũ được thực hiện trước khi làm đê quai ngăn nước; sau khi hoàn thành mương tạm, dẫn nước từ thượng lưu về hạ lưu, sau đó mới thực hiện làm đê quai ngăn dòng tạo khu vực thi công; cải dòng chảy và thi công các công trình thủy lợi tại vị trí dòng chảy cũ, sau khi đã hoàn tất công trình tại vị trí dòng chảy cũ, dòng nước lại được chuyển ngược về dòng chảy đã cải, mương tạm được lấp đi và hoàn nguyên bề mặt như hiện trạng.

4.4.7. Biện pháp giảm thiểu tác động đến nước dưới đất:

Làm bờ vây ngăn nước bẩn tràn theo vách. Bờ vây quan trụ đỡ ống vách được lắp đặt trong thời gian khoan tạo vách đối với từng cọc và duy trì trong suốt quá trình thi công cọc để ngăn ngừa nước mặt bẩn theo mặt ngoài ống vách thâm nhập và lỗ khoan.

4.4.8. Biện pháp giảm thiểu tác động của xói, lở lòng sông:

Thi công công trình theo đúng thiết kế được phê duyệt; dọn dẹp vật cản lòng sông đảm bảo thông thoáng dòng chảy; thường xuyên theo dõi định kỳ các yếu tố địa hình, thủy văn thủy lực khu vực công trình cầu để kịp thời phát hiện bất thường để có phương án xử lý phù hợp; bảo trì và kiểm tra định kỳ hệ thống các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ bờ sông tại khu vực cầu và các công trình hạ tầng trong vùng.

4.4.9. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tuyển chọn đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công có đủ năng lực để thực hiện các gói thầu đảm bảo công trình được thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung

tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát: 06 vị trí, gồm:

(1) Khu dân cư xã Kiến Minh (Km0+500);

(2) Khu dân cư phường Dương Kinh (Km1+900);

(3) Khu dân cư phường Dương Kinh (Km2+500);

(4) Khu dân cư phường Nam Đồ Sơn (Km3+150);

(5) Khu dân cư xã Kiến Hải (Km5+200);

(6) Khu dân cư xã Kiến Hải (Km7+000) bị tác động bởi hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn (dBA), độ rung (dB).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.1.3. Giám sát khác

- Thực hiện giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, bảo đảm không gây ngập úng.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.2.1 Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định

số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5.2.2. Chương trình giám sát nước thải, khí thải

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải/bụi, khí thải tự động, liên tục.

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải/bụi, khí thải định kỳ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện các yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phương án thiết kế hoàn trả công trình thủy lợi tại Văn bản số 2243/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 05/3/2026, đồng thời xin ý kiến đồng thuận của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phương án thiết kế hoàn trả công trình thủy lợi theo quy định.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới thi công trong khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác có liên quan; chỉ được phép đổ thải các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch, cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, ngập úng do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình phá dỡ, thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm trong trường hợp xảy ra sự cố rủi ro môi trường xảy ra sự cố rùi ro, tai biến địa chất, sụt lún, sạt lở do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan; chủ động áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý tốt hơn theo quy định của pháp luật, đảm bảo việc triển khai dự án không gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.
